TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST Ngày 11-01-2023 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án án nhân dân quận Gò Vấp

Ngày 11 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1437/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 493/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Chính C; cư trú tại: A Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Danh T; cư trú tại: A Nguyễn Oanh, phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Chính C trình bày: Bà và ông Danh T tự nguyện kết hôn năm 2010 và đăng ký tại Uỷ ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên bất đồng quan điểm, tính cách và các vấn đề kinh tế chung của gia đình. Bà và ông Danh T đã cố gắng tự giải quyết, hàn gắn xung đột nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Damh T.

Về con chung: Bà và ông Danh T có 01 con chung tên Danh Nguyễn M sinh ngày 01/06/2011. Sau khi ly hôn, bà C tôn trọng nguyện vọng của con

chung muốn ở với bố. Vì vậy, bà C đồng ý giao cho ông Danh T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Danh Nguyễn M. Bà C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Danh T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, ông Danh T vắng mắt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà C yêu cầu ly hôn với ông Danh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến tham gia phiên toà vào ngày 20/12/2022 và ngày 11/01/2023 nhưng bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành phiên toà theo quy định của pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 250, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2010 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Chính C và ông Danh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi nhận lời khai và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn gia đình giữa nguyên đơn và bị đơn đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được. Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên bà C hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện, ông Danh T thờ ơ, không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống. Đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà C yêu cầu ly hôn với ông Danh T là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào văn bản lập ngày 03/11/2022, Danh Nguyễn M sinh ngày 01/06/2011 có nguyện vọng được ở cùng với bố. Bà C tôn trọng nguyên vọng của trẻ và đồng ý giao cho ông Danh T trực tiếp nuôi dưỡng con

chung. HĐXX quyết định giao trẻ Danh Nguyễn M sinh ngày 01/06/2011 cho ông Danh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Chính C:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Chính C được ly hôn với ông Danh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 250, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2010 hết hiệu lực.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Danh Nguyễn M sinh ngày 01/06/2011 cho ông Danh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà C không cấp dưỡng nuôi con.

Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà C phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0049307 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- THA DS Q.Gò Vấp;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Linh